

## Top 10 Bài thơ hay của nhà bác học Lê Quý Đôn

Lê Quý Đôn (1726–1784), tên thuở nhỏ là Lê Danh Phương, tự Doãn Hậu, hiệu Qué Đường là vị quan thời Lê trung hưng, cũng là nhà thơ, và được mệnh danh là "nhà bác học lớn của Việt Nam trong thời phong kiến". Ở thế kỷ 18, các tri thức văn hóa, khoa học của dân tộc được tích lũy hàng ngàn năm tới nay đã ở vào giai đoạn súc tích, tiến đến trình độ phải hệ thống, phân loại. Thực tế khách quan này đòi hỏi phải có những bộ óc bách khoa, Lê Quý Đôn với học vấn uyên bác của mình đã trở thành người "tập đại hành" mọi tri thức của thời đại. Có thể nói, toàn bộ những tri thức cao nhất ở thế kỷ thứ 18 của nước ta đều được bao quát vào trong các tác phẩm của ông. Tác phẩm của ông như cái mốc lớn đánh dấu thành tựu văn hóa của cả một thời đại với tất cả những ưu điểm cùng nhược điểm của nó. Tác phẩm của Lê Quý Đôn thống kê có tới 40 bộ, bao gồm hàng trăm quyển, nhưng một số bị thất lạc. xin giới thiệu những bài thơ hay của ông.

### 1

Bài thơ: Rắn đầu rắn cổ

#### Rắn đầu rắn cổ

Chẳng phải liu điu vẫn giống nhà!  
Rắn đầu biếng học quyết không tha.  
Thẹn đèn hổ lửa đau lòng mẹ,  
Nay thét mai gầm rát cổ cha.  
Ráo mép chỉ quen tuồng lếu láo,  
Lần lưng chẳng khỏi vết roi da.  
Từ nay Trâu Lỗ xin siêng học,  
Kéo hồ mang danh tiếng thế gia!

#### Lời bình:

Tương truyền, một viên quan thượng thư tới nhà ông Lê Trọng Thứ, gặp Lê Quý Đôn ở dọc đường, Lê Quý Đôn trót thất lễ. Khi tới nhà, Lê Trọng Thứ gọi con ra trách mắng và đánh đòn. Quan thượng thư thấy ông thông minh nên đã xin tha cho ông với điều kiện phải ứng khẩu một bài thơ tạ tội. Cậu xin quan ra đầu đề. Quan nói: phụ thân cậu đã bảo cậu "rắn đầu rắn cổ", cậu cứ lấy đó làm đề bài. Cậu ngẫm nghĩ một chốc rồi đọc bài thơ trên.

Đề bài là do quan đặt ra, ý nói cậu bé cứng đầu, lười học. Vậy mà Lê Quý Đôn đã tài tình sử dụng từ "rắn" để ghép vào trong nội dung các câu thơ của mình; rắn liu điu, rắn đầu, rắn hổ lửa, rắn mai gầm, rắn ráo, rắn thần lần, rắn hổ trâu, rắn hổ mang và ví mình như Khổng Tử - Mạnh Tử (từ nay Trâu Lỗ xin siêng học). Quan hết sức thán phục.



## 2 Bài thơ: Mẹ ơi con muốn lấy chồng

Mẹ ơi con muốn lấy chồng

(Hạn vãn: Gái tơ mà đã ngựa nghè sớm sao)

Trình mẹ có hay? Nghĩ con không dai!

Phải kén tám chồng, mới yên phân gái.

Đẹp lòng kia gặp gỡ là nên, thuận ý nọ lưá đôi cũng phải

Mẹ suy bụng mẹ, sao yên gia thất mới đành; con nghĩ lòng con, cũng muốn cơ đồ  
được toai.

Tưởng như con nay:

Gặp khi sen ngó, đương thuở đào tơ,

Kê bậc phong lưu, yếm thắm dải đào chi tha thướt, cũng thời trang điểm, môi son  
má phấn chi nhơn nhơ.

In màu bồ liễu chi xuân, đêm ngày gìn giữ; hé cửa động đào chi nguyệt, năm tháng  
đợi chờ,

Bởi ai chênh mảng, nên kẻ hững hờ!

Tin yển đưa thoi, thấp thoáng bóng câu chi ruổi; khúc hoàng loạt tiếng, bâng khuâng  
hồn bướm chi mơ.

Chỉ e điều voi cái chi cười, thiết công mà dai, những gìn tiếng chó con chi trách,  
thấy của liền vợ.

Thưa con nghĩ thế, xin mẹ nghe ra.

Cũng đôi chúng bạn, cũng một lưá nhà.

Người sao đã có, mình vẫn không mà?

Chẳng thanh tĩn tu đã thành Phật, dẫu chính chuyên thác cũng ra ma?

Sao kia còn có bà Ngâu, sông Ngân đợi bắc cầu qua bến, trăng nọ vẫn nuôi chú  
Cuội, cánh mây khép cửa trong nhà?

Xem vật loại cũng ở trong khuôn trời đất, ngắm chuyện thế mà để gấm sự người ta;

Cớ hơi biết mùi đời chi hương phấn, lại càng nồng sắc nước chi nguyệt hoa.

Mừng thuở gặp thời, tơ liễu chi chùng đôi tám, sợ khi quá lưá, quả mai chi rụng  
bảy ba.

Dầu hèn dầu sang, may có kẻ yêu chi phân gái: ép dầu ép mỡ, xưa kia ai cấm chi  
duyên bà?

Xin mẹ bằng lòng, cho con vững dạ;

Muốn cho gái hiền, lấy được rể khá,

Những mong là sửa túi nâng khăn, nào thấy có gieo cầu ném quả;

Hen mười hen chín, mấy mắt thấy đâu; ngày một ngày hai, những lòng rấp đã.

Nhớ sông Hán rong chơi hạp mặt, ngắm xem phân gái, vẻ vang chi rông đã có  
mây; tưởng bến Tần vui thú dặng tay, trông thấy chị em, sức nức chi lan nhường  
bén xạ.

Nghĩ ăn chẳng ngon, nghĩ nằm chẳng ngủ, đêm những ngậm ngùi; chán lược biếng chải, chán gương biếng soi, ngày càng buồn bã!

Lòng bác mẹ mong trăng tròn hoa nở, nổi u tình biết tỏ với ai hay! Tình chi em yêu áo xẻ com nhường, của vưu vật có nhẽ đâu người đỡ, Ngao ngán nổi long đình chi ván, trót buộc tay dấm ngỏ người hay; sung sướng thay đây thóc chi bò, biết no bụng nào nhường kẻ lỡ!

Vậy nên con muốn:

Bằng chị bằng em, có đôi có lứa;

Lẽ đâu ở mà chi mèo lành, cũng muốn húc rào chi dê sữa.

Chớ oẻ hoẻ bà già chi lên mặt, những hòng kén cá chọn canh; để dở dang con trẻ chi ngang lòng, lỡ lại già lừa để ngựa!

Không trách kẻ nương dâu chi đứng, nghĩ như kẻ ấy lại thêm buồn, cũng thấy ai bụi rầy chi ngòi, có bận ai đâu mà lại ngựa?

Mẹ vẫn nghe mười voi không bát xáo, chờ những lúc gói quì tay liêm, lâu ngày tính khổ chịu sao; con dại nghĩ trăm lợn cũng một lòng, e những khi lửa bén gần rom, một giò dễ hay giữ cửa.

Con vẫn biết:

Trai khôn trăm nét, gái dại bảy nghề,

Xuân tâm chợt động, xuân sự chớ hề,

Vẫn gói phượng chẵn loan chi chờ đợi, nào tin ong sứ bướm chi đi về.

Đã hay rằng sớm muộn tới đào, cảm sao kẻ dài mỏ chi rử rỉ, đâu rằng có nụ cà hoa mướp, khéo những người nở miệng chi gớm ghê!

Thôi mẹ đừng cấm chớ ngăn sông, sá quản người đòi chi mai mĩa, để con liệu nhỏ sào qua bến, tha hồ miệng thế chi cười chê.

Phượng chi:

Trời đã định người có thì, mẹ cũng mong con được sớm

Hễ lấy đừng chê, hễ chê đừng lấy, khỏi mang già kén chi cười; sao nên chẳng gặp, sao gặp chẳng nên, lại phải miệng đời chi nhảm.

Đã lắm lúc bực mình chi trê đẽ, vì đường kinh kỹ loay hoay, đã nhiều phen sạn mặt chi đá tro, không lẽ quyền nghi chút tam.

Phỏng như lúc tơ tơ chi con gái, thoáng trông người cũng đã yêu, ngô theo sau song sọc chi cái già, nhác thấy ai mà chẳng gớm?

Thôi đã đẹp duyên thì lấy, có đâu đôi chác chi cỏ rau; hẵn là phải kiếp thì theo, sá quản tầm thường chi tấm cám.

Vậy có thơ rằng:

Nhân duyên trời định chửa nơi nao,

Nông nổi con nay mẹ tính sao?

Con muốn lấy chồng cho sớm sửa

Kẻo người lấy hết chồng mông gào!

Mẹ già nghe nói, khuyên con ngọt ngào:

Hễ nhà có gái, lăm kẻ ra vào;

Biết đâu là duyên ưa lá thắm, để mong cho phận đẹp má đào;

Vội chi mà vội, bao giờ thì bao!

Cũng mặc ai chi Tấn tư Tần, cứ giữ lấy mình vàng giá ngọc; cho đáng kẻ chồng  
loan vợ phượng; lọ là nên chào khách bán rao!

Há lo đâu có ế chi chồng: giỗ muộ̣n càng nhiều hạt chắc; cũng nên nghĩ đựng  
xuân chi gái, ngọc lành hạ̃y đ̣i giá cao...



Ảnh chân dung nhà sử học Lê Quý Đôn

3

Bài thơ: Cổ Lộng thành (Thành Cổ Lộng)

Cổ Lộng thành

Vạn vật suy di tứ bách thu

Qua đặng đàu mạn phóng xuân nhu

Bích ba dĩ tẩy Trần vương hận

Thanh thảo nan già Mộc Thạnh tu  
Hoàng độc vũ dư canh cổ kiếm  
Hàn cầm nguyệt ha tảo tàn lâu  
Phong cương hà sự cân khai thác?  
Nghiêu Thuần đương niên chỉ cứu châu!  
Thành Cổ Lộng do Mộc Thạnh, tướng nhà Minh xây ở Ninh Bình.



Ảnh chân dung nhà sử học Lê Quý Đôn

**4** Bài thơ: Đề Từ Thức động

### Đề Từ Thức động

Văn đạo thần tiên sự diều mang,  
Bích Đào động khẩu thái hoang lương.  
Càn khôn nhất hạt cùng Từ Thức,  
Vân thủy song nga lão Giáng Hương.  
Thạch động hữu thanh khao hiệu nguyệt,  
Diêm điền vô vị nát thu sương.

Thế nhân khổ tác Thiên Thai mộng,  
Thuyền thức Thiên Thai diệp hí trường.

**Dịch nghĩa**

Nghe nói chuyện thần tiên là mơ mộng

Cửa động Bích Đào nay thật hoang lương

Từ Thức chỉ mặc áo vải thô đi tìm tiên khắp trời đất

Ở cảnh mây nước, hai mắt Giáng Hương mong (Từ Thức) đến già

Trăng gần sáng, nghe trong động đá, như có tiếng gõ kêu

Giọt sương thu thấm bãi muối, muối thành nhạt

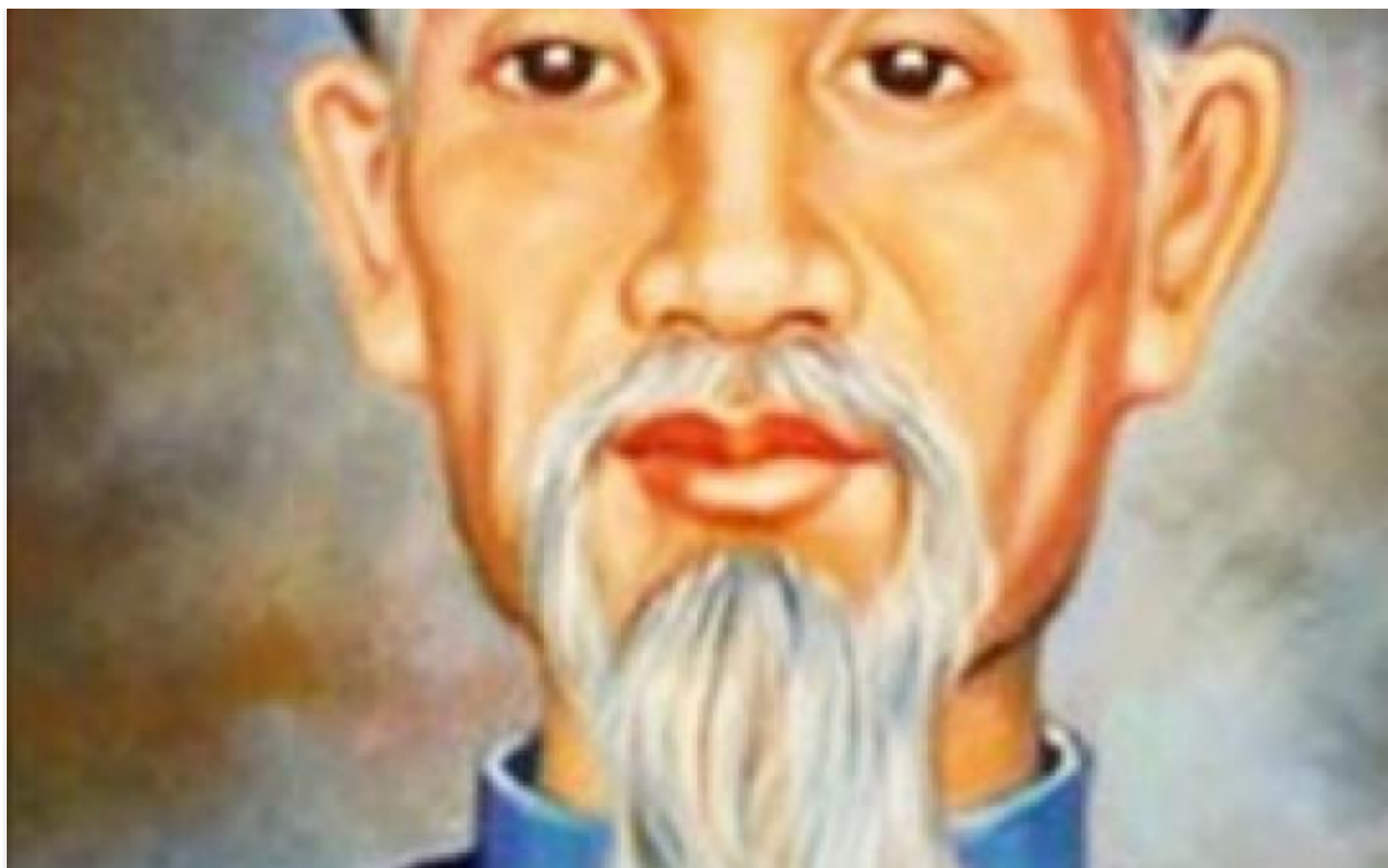
Nhiều người cho rằng Từ Thức gặp tiên cũng như chuyện (Lưu Nguyễn) vào Thiên Thai

Nhưng ai ngờ Thiên Thai chỉ là một câu chuyện đùa

**Lời bình:**

Động Từ Thức còn gọi là động Bích Đào, thuộc địa phận xã Nga Thiên, huyện Nga Sơn, Thanh Hoá, là một cảnh đẹp nổi tiếng của nước ta, có liên quan đến câu chuyện Từ Thức gặp tiên chép trong Truyền kỳ mạn lục của Nguyễn Dữ. Hiện nay còn thấy hai bài thơ chữ Hán khắc trên vách động, một bài của Lê Quý Đôn được người sau cho khắc trên phiến đá dựng trong cửa động vào năm 1905, và một của chúa Trịnh Sâm đề năm 1771.





*Ảnh chân dung nhà sử học Lê Quý Đôn*



5. Bài thơ: Gia Cát Lượng

Gia Cát Lượng

Long cương nằm khểnh hát nghêu ngao,  
Vì cảm ơn sâu biết tính sao!  
Hai biểu ra quân lòng đã tỏ,  
Tám đồ bày trận giá càng cao.  
Tam phân gặp buổi đương tranh vạc,

Ngũ trượng ngò đầu bồng tối sao.  
Miếu cũ ngày nay qua tới đó,  
Tấc lòng khởi kính biết là bao!



6

Bài thơ: Dũng Liệt giang thương

Dũng Liệt giang thương

Qun đạo tùy giang chuyên phục oanh  
Kinh phong phát lãg bích văn sinh

Dao dao Tam Đảo ngang thiên tập  
Phủ thị quần sơn tự tổng nghinh

**Dịch nghĩa**

Đường cái quan theo sông uốn khúc quanh co  
Gió nhẹ phẩy sóng lên, nảy sinh những vệt xanh biếc  
Xa xa núi Tam Đảo đứng chọc trời  
Cúi nhìn các hòn núi khác như tiễn đưa đón rước



7\_

**Bài thơ: Độ Lương Phúc tiểu giang**

**Độ Lương Phúc tiểu giang**

Tiểu giang hoành nhập Nguyệt giang lưu

Nhất loát mao am cổ độ đầu

Thiên khoát vân bình thu sắc động

Đường đường Tam Đảo nhãn tiền thu

**Dịch nghĩa**

Con sông nhỏ chảy ngang vào dòng sông Nguyệt

Một túp am tranh ở đầu bến đò xưa

Trời rộng, mây yên, sắc thu rung động

Núi Tam Đảo đồ sộ như thu gọn ở trước mắt

Sông Lương Phúc: Con sông nhỏ thuộc huyện Thiên Phúc, TP Bắc Ninh.

Nguồn: Thơ Lê Quý Đôn (Tuyển một số bài trong Quế Đường thi tập), Ty Thông tin văn hoá Thái Bình, 1976



8

### Bài thơ: Gia Cát Lượng

#### Gia Cát Lượng

Long cương nằm khểnh hát nghêu ngao,  
Vì cảm ơn sâu biết tính sao!  
Hai biểu ra quân lòng đã tỏ,  
Tám đồ bày trận giá càng cao.  
Tam phân gặp buổi đương tranh vạc,  
Ngũ trượng gờ đầu bông tối sao.  
Miếu cũ ngày nay qua tới đó,  
Tấc lòng khởi kính biết là bao!



## 9. Bài thơ: Du Bích Đào động

### Du Bích Đào động

Hải thượng quân tiên sự điều mang,  
Bích Đào động khẩu cửu hoang lương.  
Kiên khôn nhất hạt cùng Từ Thức,  
Vân thủy song nga lão Giáng Hương.  
Thạch cô hữu thanh xao hiểu nguyệt,  
Sa diêm vô vị thấp thu sương.  
Thế nhân khổ tác Thiên Thai mộng,  
Bất tưởng Thiên Thai diệc hý trường.

Động Bích Đào còn gọi là động Từ Thức, ở huyện Nga Sơn, Thanh Hoá.  
Nguồn: Việt Nam bách gia thi, NXB Văn hoá Sài Gòn, 2005





## Trú Hoà Lạc

Dao dao chi viễn thôn  
Xuất hiểm đắc bình nguyên  
Dịch đạo đa mao ốc  
Nhân gia bán trúc phiên  
Sơ lâm hoàn quyện điều  
Tiểu bích há hàn viên  
Bưu đệ niên niên khô  
Dân tình bất nhẫn ngôn

## Dịch nghĩa

Xa xa trở vào thôn xóm phía đàng xa  
Ra khỏi nơi hiểm trở đến được nơi đồng bằng  
Trên đường trạm có nhiều nhà lợp tranh  
Nhà người ta phần nửa là dâu trúc  
Con chim mệt mỏi bay về khu rừng thưa  
Con vượn lạnh lùng từ vách đá cheo leo bước xuống  
Hàng năm khổ vì chuyến đệ bưu tín  
Tình dân thật chẳng nở nói ra

Nguồn: Thơ Lê Quý Đôn (Tuyển một số bài trong Quế Đường thi tập), Ty Thông tin văn hoá Thái Bình, 1976

